

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HỒNG LĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 20/9/2022

"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Sỹ Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Soa

2. Bà Trần Thị Lệ Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Ngày 20/9/2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX-ST ngày 25/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST - HNGĐ ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Th S - Sinh năm: 1988. Nghề nghiệp: Buôn bán. Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê V T - Sinh năm: 1982. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Địa chỉ: Số 2, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết V Th . Chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Th S - Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Võ Th S trình bày: Chị và anh Lê V T tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 18/3/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã Th L , huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Việc kết hôn giữa chị S và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau cho đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do tình cảm không còn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Sự việc của anh chị đã được gia đình nội ngoại hòa giải nhưng không đi đến kết quả gì. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn chị Võ Th S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê V T .

Về quan hệ hôn nhân anh Lê V T có ý kiến: Tại bản tự khai ngày 09/9/2022 anh T nêu rõ: Tôi vẫn còn tình yêu tình cảm với chị S , tôi không muốn ly hôn vì hạnh phúc và tương lai của các con.

Về con chung chị S và anh T trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Lê Thị Tr M , sinh ngày 10/12/2012 và cháu Lê Gi B , sinh ngày 08/01/2019.

Ý kiến của chị S về con chung: Sau khi ly hôn nguyện vọng của tôi là xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thị Tr M , sinh ngày 10/12/2012 và cháu Lê Gi B , sinh ngày 08/01/2019 cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và tôi không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Ý kiến của anh T về con chung: Sau khi ly hôn nguyện vọng của tôi là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Gi B , sinh ngày 08/01/2019 cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thị Tr M , sinh ngày 10/12/2012 không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện chị S trình bày chị và anh T có các loại tài sản chung sau: 01 diện tích đất 123,4m², thửa đất số 170, tờ bản đồ số 38, tại tổ dân phố K, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; Một ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích đất đó và một số tài sản khác như: Tủ lạnh, tủ đông lạnh, tủ quần áo, tủ bàn, bình nóng lạnh. Quá trình giải quyết chị S chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản là diện tích đất và căn nhà xây dựng trên diện tích đất đó. Nguyên vọng của chị S về tài sản chung: Chị S không lấy các loại tài sản chung đó mà anh T sẽ lấy, đồng thời anh T có nghĩa vụ giao lại cho chị S số tiền chênh lệch tài sản mà chị S được hưởng.

Ý kiến của anh T về tài sản chung: Anh T thừa nhận vợ chồng anh có các loại tài sản chung như chị S đã trình bày: Nguyên vọng của anh T là được sở hữu toàn bộ số tài sản chung đó và gửi lại số tiền chênh lệch tài sản cho chị S theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Chị S và anh T thống nhất hiện vợ chồng đang nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, số tiền gốc 50 triệu đồng

và khoản lãi phát sinh theo quy định. Ý kiến của chị S và anh T thống nhất chia đôi số nợ chung này.

Quan điểm của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam: Chị Võ Th S và anh Lê V T hiện còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 50 triệu đồng và khoản tiền lãi phát sinh. Đồng thời đề nghị Tòa án xử lý khoản nợ chung theo hướng người nào nhận tài sản chung thì người đó trả nợ cho Ngân hàng và đồng thời chịu trách nhiệm hoàn thiện thủ tục hồ sơ tại Ngân hàng theo quy định.

Ngoài ra chị S còn trình bày: Chị và anh T còn nợ chị Võ Th S, sinh ngày 17/10/1986. Trú tại xóm Th H, xã Ph L, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 10.000.000 đồng và chị Hoàng Thị Th H, sinh ngày 15/5/1985. Trú tại cụm G tổ dân phố Z, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, số tiền 7.000.000 đồng. Tòa án đã làm thủ tục thông báo cho chị S và chị H tham gia giải quyết vụ án nhưng hai người đã có đơn chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện để chị S và anh T thỏa thuận với nhau về các nội dung của vụ án, nhưng vợ chồng không thống nhất được, đến ngày 01/7/2022 chị S có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Sau khi xem xét đơn yêu cầu và căn cứ vào quy định của pháp luật Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định và ra Quyết định định giá tài sản và thành lập hội đồng định giá số 01/2022/QĐ - ĐG, ngày 19/7/2022, đồng thời ấn định việc định giá được tiến hành vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 03/8/2022 tại nhà chị Võ Th S và anh Lê V T, địa chỉ: Tổ dân phố K, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi Hội đồng định giá tiến hành định giá thì anh Lê V T và chị Võ Th S đều thống nhất là thuê một trung tâm định giá độc lập để tiến hành định giá về trị giá đất còn trị giá về tài sản trên đất thì Hội đồng định giá cứ tiến hành định giá theo quy định. Hội đồng định giá thống nhất như ý kiến của các đương sự. Đồng thời tiến hành thuê trung tâm thẩm định giá độc lập và kết quả định giá được thể hiện trong hồ sơ Chứng thư thẩm định giá số: 3108.02/2022/ANDUONG - CT, ngày phát hành 31/8/2022 của Công ty cổ phần đầu tư và định giá An Dương. Trị giá lô đất là 617.760.000 đồng (có hồ sơ kèm theo) và định giá tài sản trên đất: Trị giá về tài sản trên đất là 173.217.290 đồng (có biên bản định giá kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc chị S làm đơn xin được ly hôn với anh Tuấn là thuộc quyền của công dân được pháp luật quy định, chị S đã cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến việc khởi kiện của mình theo đúng quy định pháp luật, đơn khởi kiện của chị S có hình thức và nội dung đầy đủ theo quy định tại Điều 189

của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi đương sự cung cấp đầy đủ các chứng cứ liên quan thấy rằng nội dung khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04 ngày 25/8/2022 và ấn định thời gian mở phiên tòa vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 09/9/2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh. Đến ngày giờ địa điểm đó, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Việc hoãn phiên tòa là đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn hoãn phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Trong đơn khởi kiện chị S trình bày chị và anh T đến với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, hôn lễ được tổ chức đúng phong tục tập quán địa phương, sau một thời gian chung sống hai người đã xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn hai người trở nên trầm trọng vào khoảng năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến việc chị S làm đơn ra Tòa xin ly hôn với anh T là hai người có cách sống khác nhau, có nhiều quan điểm sống không phù hợp, anh T không chăm lo đời sống cho vợ con, không tu chí làm ăn, có lúc uống rượu gây gỗ mất an ninh trật tự địa phương và ảnh hưởng cuộc sống của gia đình, nhiều lần anh T dùng vũ lực với chị S, chị S phải sang gia đình mẹ đẻ của anh T xin ở nhờ. Khi sự việc đó xảy ra gia đình anh em nội ngoại đã hòa giải cũng như khuyên bảo nhưng không có kết quả, trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, chị S vẫn giữ nguyên quan điểm của mình là xin được ly hôn với anh T, tại phiên tòa anh T trình bày anh không muốn ly hôn vì hạnh phúc gia đình vì cuộc sống con cái. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại chị S và anh T đã ly thân, hai vợ chồng ít gặp và tiếp xúc với nhau vì vậy mâu thuẫn không thể giải quyết được, đến thời điểm hiện tại giữa hai người không còn tình cảm, nếu sống với nhau chỉ là hình thức không có hạnh phúc thực sự, hôn nhân không thể đạt được nên hạnh phúc không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị S đối với anh T. Điều đó phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ý kiến của chị S : Sau khi ly hôn nguyện vọng của tôi là xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thị Tr M, sinh ngày 10/12/2012 và cháu Lê Gi B, sinh ngày 08/01/2019 cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi. Ý kiến của anh T : Sau khi ly hôn nguyện vọng của tôi là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Gi B, sinh ngày 08/01/2019 cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thị Tr M, sinh ngày 10/12/2012 cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Hội đồng xét xử thấy rằng hai cháu còn nhỏ, một cháu hơn 10 tuổi, một cháu hơn 03

tuổi, từ khi hai cháu sinh ra đã ở với mẹ, hiện tại cũng đang ở với mẹ, cuộc sống sinh hoạt của hai cháu đang ổn định, việc xáo trộn nếp sống, sinh hoạt và học hành của hai cháu là không nên, từ nhỏ tới lớn hai cháu ở với nhau, tình cảm chị em hết sức hòa thuận, việc chia cắt tình cảm của hai cháu rất ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách của hai cháu, bên cạnh đó cháu Lê Thị Tr M có đơn nguyện vọng là xin được ở với mẹ. Anh T là lao động tự do nay đây mai đó, thu nhập không ổn định, việc anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con cái là hết sức hạn chế. Chị S tuy không phải là cán bộ công nhân viên nhà nước nhưng hiện tại chị S kinh doanh buôn bán hàng thực phẩm có thu nhập ổn định mỗi tháng bảy đến chín triệu đồng, có thời gian chăm sóc con cái, việc hai cháu ở với chị S sẽ tốt hơn cho sự phát triển và học hành của hai cháu nên giao cháu Lê Thị Tr M, sinh ngày 10/12/2012 và cháu Lê Gi B, sinh ngày 08/01/2019 cho chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là hoàn toàn hợp lý và có cơ sở, điều đó phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị S không yêu cầu anh T chu cấp tiền cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên Tòa án chấp nhận ý kiến đó của chị S.

[4] Quá trình chung sống chị S và anh T thừa nhận đã tạo lập được một khối tài sản chung như sau: 01 diện tích đất 118,8m², thửa đất số 170, tờ bản đồ số 38, tại tổ dân phố K, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; 01 ngôi nhà cấp 4 xây năm 2013, có diện tích 32,64m² được xây dựng trên diện tích đất 118,8m², thửa đất số 170, tờ bản đồ số 38 tại tổ dân phố K, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh và một số công trình phụ khác gắn liền với nhà. Những tài sản mà anh chị đã thừa nhận là tài sản chung được tạo lập một cách hợp pháp, chính đáng bằng công sức lao động không biết mệt mỏi của vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng tài sản hình thành trong quá trình hôn nhân là tài sản chung của hai vợ chồng, ai cũng có quyền về tài sản ngang nhau, sau khi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định được rằng ngôi nhà được xây dựng một cách kiên cố trên diện tích đất mà vợ chồng đã kê khai. Hiện tại anh T có nhu cầu về nhà và đất để sử dụng, xét về kết cấu xây dựng ngôi nhà không thể phá vỡ bằng việc ngăn tường, xây mới, hoặc ngăn vách, chia đôi thửa đất một người một nửa, điều đó phá vỡ kết cấu và làm giảm đi giá trị của ngôi nhà và thửa đất hiện tại đang sử dụng. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị S có ý kiến là chị S không lấy các loại tài sản chung đó mà anh T sẽ lấy, đồng thời anh T có nghĩa vụ giao lại cho chị S số tiền chênh lệch tài sản mà chị S được hưởng. Bên cạnh đó anh T có ý kiến là được sở hữu toàn bộ số tài sản chung và gửi lại số tiền chênh lệch tài sản cho chị S theo quy định của pháp luật. Vì vậy HĐXX quyết định giao cho anh T được sở hữu toàn bộ tài sản chung của hai vợ chồng đồng thời anh T có nghĩa vụ giao lại cho chị S số tiền chênh lệch về tài sản mà chị S được hưởng.

[5] Hội đồng xét xử thấy rằng việc định giá và xem xét thẩm định tại chỗ là hoàn toàn khách quan đúng thực tế, căn cứ đưa ra giá trị rõ ràng, dựa trên giá thị trường nơi có tài sản chung của vợ chồng đang tranh chấp. Hội

đồng xét xử quyết định lấy kết quả định giá được thể hiện trong hồ sơ Chứng thư thẩm định giá số: 3108.02/2022/ANDUONG - CT, ngày phát hành 31/8/2022 của Công ty cổ phần đầu tư và định giá An Dương. Trị giá lô đất là 617.760.000 đồng (có hồ sơ kèm theo) và trị giá về tài sản trên đất là 173.217.290 đồng (có biên bản định giá kèm theo) làm căn cứ giải quyết vụ án.

[6] Về nợ chung: Chị Võ Th S và anh Lê V T thống nhất hai vợ chồng đang nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 50.000.000 (năm mươi) triệu đồng tiền gốc, chưa tính tiền lãi phát sinh.

Ý kiến của bà Võ Th S - Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh: Hiện tại vợ chồng chị S và anh T, còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 50.000.000 (năm mươi) triệu đồng tiền gốc, tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 20/9/2022 (ngày xét xử) là 1.067.123 đồng. Qua hai ý kiến nêu trên xác định được rằng số nợ trên là số nợ chung, hai vợ chồng phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng, không thể chia rẽ số nợ nêu trên thành hai phần một người thanh toán một nửa, việc thanh toán khoản nợ đó phải quy về một mối. Anh T được sở hữu toàn bộ số tài sản chung nêu trên, thì anh T có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ chung của hai vợ chồng.

Đối với khoản nợ của Võ Th S, sinh ngày 17/10/1986. Trú tại xóm Th H, xã Phú Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh với số tiền 10.000.000 đồng và chị Hoàng Thị Th H, sinh ngày 15/5/1985. Trú tại cụm 3 tổ dân phố X, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, với số tiền 7.000.000 đồng. Chị S và chị H có đơn đề nghị Tòa án chưa xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Lĩnh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành thụ lý giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật, sau khi thụ lý tòa án đã tiến hành thông báo cho các đương sự trong vụ án biết, tổ chức phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định của pháp luật, thu thập thêm các chứng cứ khác nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử đảm bảo một Thẩm phán hai Hội thẩm nhân dân, việc xét xử vụ án tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 33, 51, 56, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, b khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm,

thu, nộp, quản lý và dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Võ Th S , xử:

Về tình cảm: Chị Võ Th S được ly hôn anh Lê V T .

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Tr M , sinh ngày 10/12/2012 và Lê Gi B , sinh ngày 08/01/2019 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh Lê V T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị S . Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Võ Th S và anh Lê V T . Giao cho anh Lê V T quản lý, sở hữu, sử dụng thửa đất có diện tích 118,8m², thửa đất số 170, tờ bản đồ số 38, tại địa chỉ: Tổ dân phố K, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh và 01 ngôi nhà xây dựng trên diện tích đất. Anh Lê V T đưa lại số tiền chênh lệch cho chị Võ Th S là 369.955.083 đồng

Về nợ chung: Anh Lê V T có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đến ngày xét xử là 51.067.123 đồng.

Về án phí: Chị Võ Th S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, 18.497.754 đồng án phí chia tài sản, 1.276.678 đồng án phí đối với phần tài sản phải thực hiện với bên thứ ba (án phí đối với khoản nợ). Anh Lê V T phải chịu 18.497.754 đồng án phí chia tài sản, 1.276.678 đồng án phí đối với phần tài sản phải thực hiện với bên thứ ba (án phí đối với khoản nợ).

[9] Về án phí: Buộc chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, buộc chị S và anh T phải chịu án phí chia tài sản chung khi ly hôn và án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng được tòa án chấp nhận. Ngoài ra chị S đã nộp tổng toàn bộ số tiền 6.240.000 đồng là tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, số tiền này chị S phải chịu 3.120.000 đồng, anh T có nghĩa vụ gửi lại cho chị S số tiền 3.120.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Võ Th S . Xử chị Võ Th S được ly hôn với anh Lê V T .

2. Về con chung: Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cháu Lê Thị Tr M , sinh ngày 10/12/2012 và cháu Lê Gi B , sinh ngày 08/01/2019 cho chị Võ Th S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị S . Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Áp dụng: Điều 33, Điều 38, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình xử: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Võ Th S và anh Lê V T : Anh Lê V T được sở hữu: 01 diện tích đất 118,8m², thửa đất

số 170, tờ bản đồ số 38, tại địa chỉ số 02, đường Nguyễn Huy Oánh, tổ dân phố K, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh cụ thể như sau: Phía Nam giáp đường Nguyễn Huy Oánh có chiều dài 7,56m; Phía Bắc giáp đất ông T có chiều dài 7,33 m; Phía Đông giáp đất bà H có chiều dài 12,50m; Phía Tây giáp đất ông Đ có chiều dài 12,65m. Trị giá lô đất là 617.760.000 đồng và 01 ngôi nhà cấp 4 xây năm 2013, có diện tích 32,64m² được xây dựng trên diện tích đất 118,8m², thửa đất số 170, tờ bản đồ số 38 tại tổ dân phố K, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh và một số công trình phụ khác gắn liền với nhà có tổng trị giá là 173.217.290 đồng. Tổng trị giá tài sản mà anh T được hưởng là: 790.977.290 (bảy trăm chín mươi triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm chín mươi đồng). Trừ đi số tiền mà anh T và chị S còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 50.000.000 (năm mươi) triệu đồng tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 20/9/2022 (ngày xét xử) là 1.067.123 đồng, mà anh Lê V T phải thanh toán. Nên khấu trừ ½ số nợ gốc, lãi mà chị S phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam vào số tiền chênh lệch. Sau khi trừ đi khoản nợ còn lại số tiền 739.910.167 đồng. Anh Lê V T có nghĩa vụ giao lại cho chị Võ Th S số tiền 369.955.083 (ba trăm sáu mươi chín triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn không trăm tám mươi ba) đồng là số tiền chênh lệch tài sản chung mà chị S được hưởng và 3.120.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Tổng số tiền anh Lê V T phải giao lại cho chị Võ Th S là 373.075.083 đồng (ba trăm bảy mươi ba triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn không trăm tám mươi ba đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về nợ chung: Áp dụng Điều 27, Điều 37 và Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự: Buộc Anh Lê V T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 20/9/2022 (ngày xét xử) còn nợ là 1.067.123 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 51.067.123 đồng và tiền lãi của những tháng tiếp theo, được tính theo quy định của Hợp đồng tín dụng số: 3702LAV202002893, ngày 09/12/2020 ký kết giữa Ngân hàng và anh Lê V T cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

5. Về án phí: Áp dụng Khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, điểm b khoản 5, điểm a, b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Võ Th S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm; 18.497.754 đồng án phí chia tài sản chung mà

mình được hưởng và 1.276.678 đồng là án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Tổng toàn bộ án phí mà chị S phải nộp là 20.074.432 đồng chị S đã nộp 16.300.000 đồng tại biên tai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004294 ngày 04/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hồng Lĩnh, nay còn phải nộp thêm 3.774.432 đồng. Buộc anh Lê V T phải nộp 18.497.754 đồng án phí chia tài sản chung mà mình được hưởng và 1.276.678 đồng là án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Tổng toàn bộ án phí mà anh T phải nộp là 19.774.432 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Th S , anh Lê V T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND TX Hồng Lĩnh;
- CCTHADS TX Hồng Lĩnh;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS,VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Sỹ Nam